TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/DS-ST
Ngày 22/4/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui

2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số: 86/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST – DS ngày 26/3/2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2025/QĐST – DS ngày 04/4/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Chúc A, sinh năm 1962
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
Bị đơn: Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 cũng như trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Chúc A trình bày như sau:

Do tin tưởng làm ăn chung với nhau từ lâu nên tôi có mở hụi bà L tham gia các dây hụi như sau:

Dây thứ 1 hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/6/2016 và kết thúc vào ngày 15/3/2018 Al gồm 23 phần (năm 2017 có nhuần 2 tháng mỗi tháng khui một lần bà L tham gia 1 phần bà L đóng được 4 tháng hụi sống tháng thứ năm bà L hốt sau khi trừ đầu thảo bà L hốt được 32.200.000 đồng đóng thêm 9 tháng hụi chết nên bà L còn nợ lại dây hụi này là 9 tháng với số tiền là 18.000.000 đồng

Dây thứ 2 hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20/11/2016 kết thúc vào 20/12/2018 gồm 27 phần (năm 2017 có 2 tháng nhuần) mỗi tháng khui một lần bà L1 tham gia 1 phần, dây hụi này bà L1 đóng được 5 tháng hụi sống sang tháng thứ 6 bà L hốt, sau khi trừ tiền đầu thảo bà L hốt được 38.085.000 đồng, sau đó bà L đóng được 3 tháng hụi chết, còn nợ lại 18 tháng hụi chết chưa đóng với số tiền còn nợ là: 36.000.000 đồng

Dây hụi thứ 3: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 25/5/2017 và kết thúc vào ngày 25/5/2019 gồm 26 phần (năm 2017 nhuần 2 tháng)mỗi tháng khui 1 lần dây hụi này là của tôi đã đóng được 15 tháng hụi sống, sau đó tôi cho bà L mượn và bà L đã hốt.Sau khi trừ đầu thảo bà L hốt được 111.000.000 đồng, hốt xong bà L đóng hụi chết cho tôi với tổng số tiền là 130.000.000 đồng

Dây hụi thứ 4 hụi 3000.000 đồng mở ngày 20/4/2016 và kết thúc vào ngày 20/3/2018 (trong năm 2017 có 2 tháng nhuần) gồm có 25 phần bà L tham gia 1 phần mỗi tháng khui 1 lần. bà L đóng được 1 tháng đầu tháng thứ 2 bà L hốt, sau khi trừ đầu thảo bà L hốt được 47.000.000 đồng, sau đó bà L đóng được 2 tháng hụi chết, còn nợ lại 21 tháng hụi chết với số tiền là 63.000.000 đồng

Dây hụi thứ 5 hụi 3.000.000 đồng mở ngày 20/4/2016 và kết thúc ngày 20/3/2018 (năm 2017 nhuần 2 tháng) gồm 25 phần mỗi tháng khui 1 lần dây hụi này là của tôi tham gia tôi đóng được 7 tháng hụi sống sau đó tôi cho bà L mượn hốt, sau khi trừ đầu thảo bà L hốt được 61.800.000 đồng hốt xong bà L phải đóng lại hụi chết cho tôi, số tiền bà L phải đóng lại cho tôi dây hụi này là 75.000.000 đồng nhưng bà L không đóng.

Dây hụi thứ 6 hụi 2.000.000 đồng mở ngày 6/10/2016 kết thúc ngày 6/8/2018 (Al) gồm có 24 phần (năm 2017 nhuần 2 tháng) mỗi tháng khui 1 lần bà L tham gia 1 phần, bà L đóng được 5 tháng hụi sống, sang tháng thứ 6 bà L hốt , sau khi trừ đầu thảo bà L hốt được 32.220.000 đồng hốt xong bà L đóng được 4 tháng hụi chết không đóng nữa dây hụi này bà L còn nợ lại là 14 tháng hụi chết với số tiền là 28.000.000 đồng

Tất cả 6 dây hụi bà L còn nợ lại tôi là 350.000.000 đồng tôi đã yêu cầu L trả nhiều lần nhưng bà L không trả, nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà L, ông V phải trả lại cho tôi số tiền là 350.000.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi thời gian qua.

Bị đơn Lê Thị Cẩm L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Theo đơn khởi kiện của bà Chúc A cho rằng tôi còn nợ bà L 6 dây hụi với số tiền là 350.000.000 đồng là không đúng. Trước đây tôi có tham gia chơi hụi với bà Chúc A, Tôi có mượn của bà 1 dây hụi 5.000.000 đồng tôi đã hốt, dây hụi này được 111.000.000 đồng nhưng sau đó tôi bán đất và hốt hụi đã trả xong cho bà Chúc A phần này, và tôi có hốt 1 dây hụi đã chơi với bà Chúc A hụi 2.000.000 đồng tôi hốt được 32.200.000 đồng, dây hụi này tôi còn nợ lại bà Chúc A tôi đồng ý trả. Còn lại các phần khác bà Chúc A đã kiện tôi với ông V là chồng tôi, án đã có hiệu lực rồi, Do đó tôi không đồng ý các khoản nợ khác và phần hụi nợ này là của riêng tôi, ông V không có liên quan đến phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Chúc A cho rằng vào năm 2016 bà làm chủ hụi bà L có tham gia chơi hụi và có mượn hụi của bà để cho bà L hốt tất cả hụi bà L hốt gồm có 6 dây, 4 dây bà L tham gia chơi và 2 dây bà L mượn để hốt sau đó không đóng lại hụi chết, bà L nợ 6 dây hụi với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, bà L có ký biên nhận, bà Chúc A có nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà L không trả. Sau đó bà L bỏ đi khỏi địa phương, số hụi này là của vợ chồng bà L và ông V khi vợ chồng chung sống, Nay bà Chúc A yêu cầu bà L, ông V cùng liên đới trả cho bà Chúc A số tiền hụi là 350.000.000 đồng. Còn bà L cho rằng trước đây vợ chồng bà có chơi hụi với bà Chúc A sau đó bà Chúc A đã khởi kiện ông V và được Tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật, bà L cho rằng bà với ông V đã ly thân hơn 10 năm nay, việc bà có chơi hụi và mượn hụi của bà Chúc A là của riêng bà không có liên quan gì đến ông V, bà L cũng thừa nhận bà có tham gia chơi hụi với bà Chúc A 1 dây hụi 2000.000 đồng và bà đã hốt được 32.200.000 đồng, bà còn nợ số tiền này và bà L thừa nhận có mượn bà Chúc A 1 dây hụi 5.000.000 đồng bà L đã hốt được 111.000.000 đồng, phần hụi này bà L cho rằng đã trả cho bà Chúc A xong rồi. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo cho bà Chúc A và bà L giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh số nợ và số tiền đã trả nhưng các đương sự không cung cấp được, do đó xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận một phần còn đối với bị đơn Lê Thị Cẩm L không chứng minh được số tiền đã trả cho bà Phạm Thị Chúc A do đó buộc bà Lê Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền hụi cho bà Chúc A là 143.200.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa bà Chúc A không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà L hoàn trả là sự tự nguyện của bà nên ghi nhận. Riêng đối với số tiền nợ này bà L xác định là của riêng bà L không liển quan đến ông V và bà L cũng không yêu cầu ông V cùng liên đới trả cùng bà L, vì ông V đã bị bà C Anh khởi kiện bằng vụ kiện khác và án đã có hiệu lực pháp luật nên có căn cứ không buộc ông Nguyễn Ngọc V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Chúc A.

Do bà Lê Thị Cẩm L vi phạm hợp đồng góp hụi nên buộc bà L phải chịu án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm của số tiền phải hoàn trả là 143.200.000 đồng x 5% = 7.160.000 đồng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bà Lê Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Chúc A số tiền hụi là 143.200.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch sơ thẩm buộc bà Lê Thị Cẩm L phải nộp 7.160.000 đồng

Bà Phạm Thị Chúc A là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải nộp theo quy định.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ C (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đ

5